TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 318/2019/DS-PT
Ngày: 07/11/2019
V/v tranh chấp:*"Chia QSDĐ trong hộ, Chia di sản thừa kế Bồi thường thiệt hại tài sản, Đòi lại tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Võ Trung Hiếu**

Các Thẩm phán: Bà **Nguyễn Thị Diệp Thúy**

Ông **Nguyễn Thanh Triều**

Thư ký phiên toà: Bà **Đỗ Thị Tuyết Hạnh**là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang:Bà **Nguyễn Thị Cẩm Thúy**-Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Trong các ngày 31 tháng 10 và 07 tháng 11 năm 2019 tại Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 243/2019/TLPT– DS ngày 09 tháng 9 năm 2019 về việc tranh chấp "*Chia QSDĐ trong hộ, Chia di sản thừa kế, Bồi thường thiệt hại tài sản, Đòi lại tài sản*".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 36/2019/DS-ST ngày 10 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 326/2019/QĐ-PT ngày 16 tháng 09 năm 2019 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:***Lê Văn A**, sinh năm 1964;

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: bà **Nguyễn Lệ Th**, sinh năm 1969; (Văn bản ủy quyền ngày 16 tháng 11 năm 2017).

Cùng địa chỉ: ấp C, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau

- *Bị đơn:***Lê Văn Khóc E**, sinh năm 1967;

Địa chỉ: ấp B, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1.**Lê Thị T**, sinh năm 1953;

Địa chỉ: ấp B, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

3.2.**Lê Thị N**, sinh năm 1955;

Địa chỉ: ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

3.3. **Võ Thị R**, sinh năm 1958;

Địa chỉ: ấp B, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

3.4. **Lê Văn S**, sinh năm 1976;

Địa chỉ: ấp B, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

3.5. **Lê Tuấn A1**, sinh năm 1984;

Địa chỉ: ấp B, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

3.6. **Lê Tuấn D**, sinh năm 1989;

Địa chỉ: ấp B, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện ủy quyền của anh S, anh A1, anh D là bà **Võ Thị R**, sinh năm 1958;

Địa chỉ: ấp B, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang (Văn bản ủy quyền ngày 09 tháng 11 năm 2017).

3.7. **Nguyễn Thị M**, sinh năm 1970;

Địa chỉ: ấp B, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

3.8. **Lê Văn T**, sinh năm 1993;

Địa chỉ: ấp B, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

3.9. **Lê Thị Diễm Tr**, sinh ngày 10/5/2000;

Địa chỉ: ấp B, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

3.10. **Lê Trung Tín**, sinh năm 2008;

Người đại diện theo pháp luật của Trung T là ông **Lê Văn Khóc E**, sinh năm 1967;

Địa chỉ: ấp B, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

3.11. **Võ Chí T**, sinh năm 1993;

Địa chỉ: ấp B, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

3.12. **Lê Thị Đ**, sinh năm 1975;

3.13. **Lê Ngọc Th**, sinh năm 1993;

14. **Lê Tuấn L**, sinh năm 1997;

Cùng địa chỉ: ấp B, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn **Lê Văn A**; Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan **Lê Thị N** và **Võ Thị R.**

Có mặt: Bà Th, ông Khóc E và bà R.

Các đương sự còn lại vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Bà Nguyễn Lệ Th là đại diện của nguyên đơn trình bày:*

Cụ Lê Văn G (sinh năm 1925, chết năm 1978) và cụ Nguyễn Thị S (sinh năm 1925, chết năm 2005) là vợ chồng. Sinh thời, hai cụ sinh được 06 người con gồm:

1. Lê Thị T;

2. Lê Thị N;

3. Lê Văn E, sinh năm 1960, chết ngày 23/8/2013, ông E có vợ là bà Võ Thị R, sinh năm 1958 và 04 người con gồm Lê Văn S, sinh năm 1976; Lê Tuấn A1, sinh năm 1984; Lê Tuấn D, sinh năm 1989 và Lê Văn C, sinh năm 1975.

Anh C chết năm 2005, có vợ là Lê Thị Đ, sinh năm 1975 và hai con tên Lê Ngọc Th, sinh năm 1993 và Lê Tuấn L, sinh năm 1997.

4. Lê Văn A;

5. Lê Văn Khóc E;

6. Lê Thị M sinh năm 1970, chết ngày 27/9/1994, có 01 conlà Võ Chí T.

Cụ G và cụ S qua đời không để lại di chúc.

Sau khi cụ G chết thì quyền sử dụng đất chung của vợ chồng do cụ S tiếp tục sử dụng và kê khai đăng ký, được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (CNQSDĐ) ngày 01/9/2004. Di sản thừa kế do cụ S để lại gồm 01 ngôi nhà và 05 thửa đất với tổng diện tích là 14.465m^2 . Cụ thể:

- Thửa đất số 1821, diện tích 6.566m^2, loại đất lúa;

- Thửa đất số 2015, diện tích 1.703m^2; loại đất lúa;

- Thửa đất số 2057, diện tích 3.459m^2; loại đất lúa;

- Thửa đất số 2058, diện tích 2.044m^2; loại đất vườn thổ;

- Thửa đất số 2059, diện tích 693m^2; loại đất ao (hồ);

- 01 ngôi nhà được cất trên thửa đất số 2058 vào năm 2004, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà. Nhà đất tại ấp B, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang. Hiện ông Lê Văn Khóc E đang quản lý toàn bộ di sản thừa kế.

Sau khi cụ S qua đời, anh chị em trong gia đình có thỏa thuận phân chia di sản thừa kế vào ngày 15/7/2013, thỏa thuận được lập tại trụ sở ấp B, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang. Tuy nhiên, việc thỏa thuận này không thực hiện được.

Nay bà Th đại diện cho ông lê Văn A yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị S gồm: Quyền sử dụng đất tại các thửa 2015, 2057, 2058, 1821, 2059 làm 06 kỷ phần, ông A sẽ nhận hiện vật, vị trí chia dọc các thửa đất làm 6 phần, từ hướng tỉnh lộ 877B về hướng Bắc cho đến hết phần đất tranh chấp theo thứ tự: Bà Võ Thị R sẽ nhận phần đất giáp với đất của ông Nguyễn Thanh A1; ông Lê Văn A nhận phần đất kế phần đất bà Võ Thị R; bà Lê Thị N nhận phần đất kế phần đất của ông Lê Văn A được chia. Các phần còn lại thì những người thửa kế tự định đoạt.

Ngoài ra, ông A yêu cầu được chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với ngôi nhà do cụ S để lại trên thửa đất số 2058. Cụ S cất nhà năm 2004 nhưng chưa lót gạch và ván tường (phần nầy do ông Khóc E tự làm sau). Bà Th tự định giá phần nhà do cụ S để lại là 60.000.000đ và yêu cầu được chia 1/6 giá trị ngôi nhà là 10.000.000đ.

Do vào ngày 25/5/2015, bà Nguyễn Lệ Th (vợ ông A) có giao cho ông Khóc E tiền công bồi thố đất tại thửa 2059 là 15.000.000đ nhưng ông E chưa giao đất cho ông A sử dụng nên yêu cầu ông Khóc E trả lại 15.000.000đ và tính lãi từ ngày 25/5/2015 của số tiền 15.000.000 đồng từ ngày 25/5/2015 đến ngày 26/4/2019 là 4.000.000 đồng.

Ông A yêu cầu ông Khóc E trả lại 8 cây trụ bê tông kích thước 01m x 10cm x 10cm.

Đối với số tiền công lên líp tại thửa 1821 là 4.000.000đ ông A yêu cầu, ai nhận sử dụng thửa đất này thì có trách nhiệm trả lại cho ông.

Đối với 01 bộ ván, ông A đã nhận lại nên rút yêu cầu. Đồng thời ông A cũng không yêu cầu ông Khóc E bồi thường lại tiền hoa lợi tại thửa 1821.

Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn ông A không đồng ý. Đồng thời, không đồng ý với yêu cầu chia quyền sử dụng đất trong hộ của ông Khóc E, bà

M, anh T, chị Diễm Tr, cháu T. Phần tiền công bồi thố đất tại thửa 2059 ông Khóc E cho rằng 60.000.000đ, ông A chỉ đồng ý công bồi thố trên toàn bộ thửa đất 2059 là 30.000.000đ.

** Bị đơn Ông Lê Văn Khóc E có ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn và có đơn yêu cầu phản tố, trình bày:*

Ông thống nhất với lời trình bày của đại diện ủy quyền của nguyên đơn về hàng thừa kế của cụ Nguyễn Thị S. Về yêu cầu chia thừa kế ông Khóc E cho rằng, phần đất tranh chấp hiện nay, cấp cho hộ cụ Nguyễn Thị S, không phải cấp cho cá nhân. Thành viên trong hộ cụ S tại thời điểm cấp đất gồm cụ S, ông Khóc E, bà M, anh T, chị Diễm Tr. Ông Khóc E có phản tố đề nghị chia cho các thành viên trong hộ, sau đó phần của bà S chia cho 6 thừa kế. Ông Khóc E đồng ý 2 thửa đất số 2015,1821 là di sản thừa kế, còn lại các thửa 2057, 2058, 2059 chia thành viên hộ rồi chia thừa kế.

Tại phiên tòa ông Khóc E đề nghị, tất cả các thửa đất số 2015, 2057, 2058, 1821, 2059 chia cho thành viên hộ gia đình. Tuy nhiên, do bà S có công tạo lập nên chia cho bà S ½ diện tích đất, lấy phần của bà S chia thừa kế cho 6 kỷ phần, ½ diện tích còn lại là của hộ gia đình ông.

Đối với ngôi nhà không phải là di sản của cụ S để lại, nhà của cụ S đã hư, mục không còn sử dụng được nên vợ chồng ông Khóc E đã xây dựng nhà mới hoàn toàn vào năm 2002, nên không đồng ý chia di sản thừa kế là ngôi nhà.

Số tiền công bồi thố tại thửa 2059 là 15.000.000đ ông Khóc E đồng ý trả lại ông A, phần tiền lãi 4.000.000đ ông Khóc E không đồng ý.

Ông Khóc E thống nhất tiền lên líp tại thửa 1821 là 4.000.000đ, ai nhận sử dụng thửa đất này có trách nhiệm trả lại cho ông A.

Đối với yêu cầu của ông A về việc đòi lại 8 cây trụ đá, ông Khóc E đồng ý bồi thường 02 trụ bị hư, còn lại 6 cây trụ vẫn còn cắm trên đất nên không đồng ý bồi thường.

Ông Khóc E có yêu cầu phản tố về công bồi thố đất, yêu cầu ai nhận thừa kế đất tại thửa 2059 thì phải trả lại tiền công bồi thố cho ông là 60.000.000đ tương ứng với diện tích mà mỗi người được chia. Tuy nhiên, tại phiên tòa ông Khóc E thống nhất số tiền bồi thố là 30.000.000đ.

Các phần khác trước đây ông có trình bày nhưng nay không yêu cầu.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập bà Lê Thị T trình bày:*

Bà T thống nhất với lời trình bày của ông Khóc E, xác định đất cấp cho hộ cụ S. Nay đồng ý lấy thửa 2059 và thửa 1821 để chia di sản thừa kế theo pháp luật làm 06 phần bằng nhau. Theo đó bà T yêu cầu được chia thửa 1821 - diện tích 6.566m^2 chia 6 bằng 1.094m^2; thửa 2059 diện tích 693m^2 chia 6 bằng 115,5m^2, bà T nhận phần thừa kế của bà sau đó cho lại ông Khóc E.

Về ngôi nhà của cụ S đã hư mục, không còn sử dụng được, nên vợ chồng ông Khóc E cất lại nhà mới, đây là tài sản riêng của vợ chồng ông Khóc E nên bà T không yêu cầu chia di sản thừa kế là ngôi nhà.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập bà Lê Thị N trình bày:*

Bà N với lời trình bày của bà Th về hàng thừa kế và di sản thừa kế, xác định đất được cấp cho cá nhân cụ S.

Nay bà N yêu cầu ông Khóc E chia di sản thừa kế do cụ S để lại cho bà N là 184m^2 đất ao hồ tại thửa 2059; 2.709m^2 đất lúa tại thửa 1821 và 50m^2 đất thổ cư của thửa 2058, nhưng xin nhận bằng đất tại thửa 2059. Yêu cầu ông Khóc E chia 1/6 giá trị ngôi nhà là di sản thừa kế do cụ S để lại là 10.000.000đ.

Tại phiên tòa, bà N yêu cầu Tòa án chia tất cả các phần đất tranh chấp hiện nay gồm các thửa đất số 2015, 2057, 2058, 1821, 2059 làm 06 phần bằng nhau, chia dọc từ tỉnh lộ 877 B về hướng Bắc cho đến hết phần đất tranh chấp theo thứ tự: Bà Võ Thị R sẽ nhận phần đất giáp với đất của ông Nguyễn Thanh A1; ông Lê Văn A nhận phần đất kế phần đất bà Võ Thị R được chia; bà Lê Thị N được nhận phần đất kế phần đất của ông Lê Văn A được chia.

Bà N không đồng ý trả công bồi thố tại thửa 2059 theo yêu cầu phản tố của ông Khóc E là 60.000.000đ, chỉ đồng ý là 30.000.000đ, đồng ý hoàn trả lại công bồi thố cho ông Khóc E tương ứng với diện tích đất bà N được chia tại thửa 2059.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập bà Võ Thị R, bà R đồng thời là dại diện cho các con là Lê Văn S, Lê Tuấn A1, Lê Tuấn D trình bày:*

Bà R thống nhất với lời trình bày của bà Th về hàng thừa kế và di sản thừa kế, xác định đất được cấp cho cá nhân cụ S. Bà R là vợ của ông Lê Văn E, đã chết ngày 23/8/2013. Vợ chồng bà có 04 người con là Lê Văn S, Lê Tuấn A1 và Lê Tuấn D, Lê Văn C (C chết năm 2005)

Bà R cùng 03 con yêu cầu được chia di sản thừa kế của cụ S là lối đi ngang 3m, dài ra đến khu mộ và nhận đất khu mộ là 500m^2, vị trí giáp đất Nguyễn Thanh A1. Không yêu cầu ông Khóc E chia di sản thừa kế là ngôi nhà.

Tại phiên tòa, bà R yêu cầu Tòa án chia tất cả các phần đất tranh chấp hiện nay gồm các thửa đất số 2015, 2057, 2058, 1821, 2059 làm 06 phần bằng nhau, chia dọc từ tỉnh lộ 877 về hướng Bắc cho đến hết phần đất tranh chấp theo thứ tự: Bà và các con sẽ nhận phần đất giáp với đất của ông Nguyễn Thanh A1; ông Lê Văn A xin nhận phần đất kế phần đất bà Võ Thị R được chia; bà Lê Thị N được nhận phần đất kế phần đất của ông Lê Văn A được chia.

Bà R đồng ý trả công bồi thố cho ông Khóc E tại thửa 2059 tương ứng với diện tích được chia, nhưng chỉ đồng ý tổng tiền công bồi thố của thửa 2059 là 30.000.000đ.

Nếu như được chia phần bà và các con bà, cháu bà (gồm các con của C) nhận chung 01 phần, bà tạm quản lý sau đó tự thỏa thuận chia, không yêu cầu Tòa án chia trong vụ án này.

Đối với ngôi nhà của cụ S, bà và các con, cháu không yêu cầu chia di sản.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập anh Võ Chí T trình bày:*

Anh là con của bà Lê Thị M đã chết ngày 27/9/1994. Nay anh T yêu cầu được chia di sản thừa kế do cụ S để lại là 1/6 diện tích đất tại thửa 2059 và 1821. Không yêu cầu chia di sản thừa kế tại 03 thửa 2015, 2057, 2058 và ngôi nhà, vì nhà là của vợ chồng ông Khóc E, không phải là nhà của cụ S. Vị trí đất anh T yêu cầu được chia giáp phần đất của bà Lê Thị T.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Thị Đ, Lê Ngọc Th, Lê Tuấn L trình bày:*

Chồng chị là Lê Văn C, sinh năm 1975, chết năm 2005; ông C là con của ông Lê Văn E (sinh năm 1960, mất năm 2013) và bà Võ Thị R, sinh năm 1958. chị Đ và anh C có 2 con là Th, L. Nay với yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn A. Chị Đ, chị Th, anh L thống nhất theo yêu cầu của bà Võ Thị R về việc yêu cầu được chia di sản thừa kế của cụ S, đồng thời giao phần được nhận cho bà R quản lý.

Bản án dân sự sơ thẩm số36/2019/DS-ST ngày 10 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Căn cứ vào:

- Điều 212, Điều 584, Điều 589, Điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều 652, Điều 660 Bộ Luật dân sự năm 2015;

- Điểm đ khoản 1 Điều 179 Luật đất đai;

- Điều 147,khoản 1 Điều 217, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 26, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn A về việc yêu cầu ông Lê Văn Khóc E trả lại tài sản là một bộ ván và tiền hoa lợi tại thửa 1821.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn A và một phần yêu cầu độc lập của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan về việc chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị S theo pháp luật.

- Ông Lê Văn A được hưởng thừa kế quyền sử dụng đất tương đương giá trị bằng tiền là: 94.696.000đ.*(chín mươi bốn triệu, sáu trăm chín sáu ngàn đồng)*

- Bà Lê Thị N được hưởng thừa kế quyền sử dụng đất tương đương giá trị bằng tiền là: 94.696.000đ. *(chín mươi bốn triệu, sáu trăm chín sáu ngàn đồng)*

- Bà Lê Thị T được hưởng thừa kế quyền sử dụng đất tương đương giá trị bằng tiền là: 94.696.000đ. Bà T đã tặng cho ông Khóc E kỷ phần này.

- Ông Lê Văn Khóc E được hưởng thừa kế quyền sử dụng đất tương đương giá trị bằng tiền là: 94.696.000đ. *(chín mươi bốn triệu, sáu trăm chín sáu ngàn đồng)*

- Bà Võ Thị R, anh Lê Văn S, anh Lê Tuấn A1, anh Lê Tuấn D, Lê Thị Đ, Lê Ngọc Th, Lê Tuấn L được hưởng thừa kế quyền sử dụng đất tương đương giá trị bằng tiền là: 94.696.000đ.*(chín mươi bốn triệu, sáu trăm chín sáu ngàn đồng)*

Bà R là người đại diện nhận.

- Anh Võ Chí T được hưởng thừa kế thế vị quyền sử dụng đất tương đương giá trị bằng tiền là: 94.696.000đ.*(chín mươi bốn triệu, sáu trăm chín sáu ngàn đồng)*

* Ông Lê Văn Khóc E và các thành viên trong hộ gồm Võ Thị M, Lê Văn T, Lê Thị Diễm Tr, Lê Trung T cùng có trách nhiệm trả tiền lại cho Lê Văn A, Lê Thị N, Võ Thị R, Võ Chí T mỗi người là 94.696.000đ. *(chín mươi bốn triệu, sáu trăm chín sáu ngàn đồng)*

3. Chấp nhận yêu cầu phản tố của Lê Văn Khóc E và yêu cầu độc lập các thành viên trong hộ gồm Võ Thị M, Lê Văn T về yêu cầu chia quyền sử dụng đất chung hộ.

- Xác định ½ diện tích đất tại các thửa 2059, 1821, 2057, 2058, 2015 là của hộ gia đình ông Lê Văn Khóc E. Cộng ½ diện tích đất là di sản thừa kế mà hộ gia đinh ông Lê Văn Khóc E đã trả bằng tiền cho các thừa kế. Như vậy, ông Lê Văn Khóc E và các thành viên trong hộ gồm Võ Thị M, Lê Văn T, Lê Thị Diễm Tr, Lê Trung T được quyền sử dụng toàn bộ 5 thửa đất gồm:

- Thửa đất số 2059 loại đất lúa đã lên nền thành đất cây lâu năm, diện tích thực tế 986,8m^2. Vị trí thửa đất: Đông giáp đất Trương Văn Th; Tây giáp đất Nguyễn Thanh A1; Nam giáp Kênh công cộng; Bắc giáp đất Võ Thị R

- Thửa đất số 1821 loại đất lúa, diện tích thực tế 6.615 m^2. Vị trí thửa đất Đông giáp đất Lê Tấn D, Phạm Thị B; Tây giáp đất Nguyễn Thanh A1; Nam giáp đường 877B; Bắc giáp thửa đất 2015, 2057, 2058 (xóa bờ hợp thửa)

- Các thửa đất số 2057, 2058, 2015 đã xóa bờ hợp thửa có tổng diện tích thực tế 6.865 m^2. Trong đó (Đất ở nông thôn diện tích 300 m^2; Đất trồng cây lâu năm (đất vườn) diện tích 1744m^2; Đất lúa diện tích 4.821m^2). Vị trí các thửa đất: Đông giáp đất Trương Văn Th; Tây giáp đất Nguyễn Thanh A1; Nam giáp thửa 2059; Bắc giáp Kênh công cộng.

Ông Lê Văn Khóc E và các thành viên trong hộ gia đình có trách nhiệm liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để đăng ký quền sử dụng đất theo quy định.

4. Chấp nhận yêu cầu của ông Lê Văn A về tiền bồi thố đất.

Ông Lê Văn Khóc E và các thành viên trong hộ có trách nhiệm trả cho Lê Văn A 15.000.000đ tiền bồi thố tại thửa 2059 và 4.000.000đ tại thửa 1821, tổng cộng là 19.000.000đ.*(mười chín triệu đồng)*

Không chấp nhận yêu ông Lê Văn A về yêu cầu ông Lê Văn Khóc E trả 4.000.000đ tiền lãi.

5. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn A về việc yêu cầu ông Lê Văn Khóc E trả lại tài sản là 08 cây trụ bê tông, tương đương giá trị bằng tiền là 800.000đ. Ông Lê Văn Khóc E và các thành viên trong hộ có trách nhiệm trả.

6. Không chấp nhận yêu cầu của Lê Văn A và Lê Thị N về yêu cầu chia thừa kế ngôi nhà.

7. Chấp nhận yêu cầu của ông Lê Văn A về việc yêu cầu những người được chia quyền sử dụng đất có trách nhiệm hoàn trả lại chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chổ và định giá tài sản.

- Bà Võ Thị R, anh Lê Văn S, anh Lê Tuấn A1, anh Lê Tuấn D, Lê Thị Đ, Lê Ngọc Th, Lê Tuấn L cùng có trách nhiệm trả cho Lê Văn A số tiền 1.030.000đ. *(một triệu không trăm ba mươi nghìn đồng)*

- Bà Lê Thị N có trách nhiệm trả cho Lê Văn A số tiền 30.000đ. *(ba mươi nghìn đồng)*

- Anh Võ Chí T có trách nhiệm trả cho Lê Văn A số tiền 1.030.000đ. *(một triệu không trăm ba mươi nghìn đồng)*

- Ông Lê Văn Khóc E, Võ Thị M, Lê Văn T, Lê Thị Diễm Tr, Lê Trung T cùng có trách nhiệm trả cho Lê Văn A số tiền 8.240.000đ.*(tám triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng)*.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 10 tháng 7 năm 2019 và ngày 22 tháng 7 năm 2019 người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Lê Văn A là bà Nguyễn Lệ Th và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Lê Thị N, Võ Thị R có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết lại toàn bộ nội dung vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện nguyên đơn kháng cáo yêu cầu xác định đất không phải của hộ, yêu cầu chia toàn bộ tài sản là đất đai nhà ở làm 06 kỹ phần theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang cho rằng xét về nguồn gốc đất là của cụ Sáu, di sản là của cụ để lại phải chia thừa kế theo quy định của pháp luật. Riêng về nhà ở, nguyên đơn cho rằng cụ S xây thô, sau đó anh Khóc E tiếp tục hoàn chỉnh, cấp sơ thẩm không định giá phần xây thô trước đây để chia thừa kế. Với thiếu sót trên Viện kiểm sát đề nghị hủy án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu thu thập có được trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa vào đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

1 Về tố tụng:

Tại phiên tòa có những người có quyền và nghĩa vụ liên quan vắng mặt, tuy nhiên họ đã có ý kiến về việc giải quyết vụ án. Phiên tòa được mở lần thứ hai, thủ tục tống đạt đầy đủ. Xét thấy việc vắng mạt của các đương sự nêu trên không ảnh hưởng đến việc xét xử tại phiên tòa phúc thẩm. Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

2 Về nội dung:

Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án và tranh tụng tại phiên tòa nhận thấy, nguồn gốc các thửa đất tranh chấp do cụ G và cụ S khai thác chủ yếu là đất ao, biềng chưa có giấy tờ ghi nhận hoặc xác nhận quyền sử dụng đất. Sau khi cụ G chết, cụ S cùng những người trong hộ gia đình tiếp tục khai khẩn. Năm 1997, cụ S đăng ký và được cấp giấy chứng nhận cho hộ gia đình, do cụ S đại diện đứng tên. Quá trình canh tác ông A từ Cà Mau về Cụ S tạm giao 01 phần đất canh tác nhưng không hiệu quả, ông A trả lại cụ Sáu có trả tiền cho ông vì có công sức cải tạo đất.

Hiện cụ S đã qua đời, hộ gia đình gồm anh Khóc E cùng các thành viên tiếp tục khai thác, sử dụng. Ông A yêu cầu chia thừa kế tòan bộ các thửa đất hiện do anh Khóc E cùng gia đình quản lý theo pháp luật. Tại công văn số 234/CNVPĐKĐ ngày 11/5/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T xác định đất cấp cho hộ gia đình; đối với ý kiến xét duyệt của Hội đồng tư vấn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũng đã ghi: "Hộ đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất". Theo giấy xác nhận của Công An xã P, tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu ngày 27/5/1999 xác định hộ gia đình gồm có cụ Nguyễn Thị S, Lê Văn Khóc E, Nguyễn Thị M và Lê Văn T, những người này đều có quan hệ hôn nhân, huyết thống, nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình, cùng đang chung sống và có quyền sử dụng đất chung tại thời điểm được nhà nước công nhận quyền sử dụng đất. Do cụ S có công sức đóng góp nhiều hơn các thành viên khác để tạo lập, phát triển khối tài sản, cùng với ý chí tự nguyện của anh Khóc E và các thành viên trong hộ gia đình, Tòa sơ thẩm đã lấy ½ trong khối tài sản chia thừa kế theo pháp luật, ½ còn lại thuộc quyền sử dụng của các thành viên khác trong hộ. Xét thấy việc phân chia như trên là có lợi cho nguyên đơn cùng với những người có liên quan được chia thừa kế.

Đối với yêu cầu chia thừa kế bằng hiện vật, cụ thể là từng thửa đất phải được chia đều thành 06 phần. Yêu cầu trên là không hợp lý. Qua khảo sát do đạc thực tế, nếu chia như trên thì không thể sử dụng được vì mục đích sử dụng là đất ao, đầm dùng để nuôi trồng thủy sản, trông cây hàng năm. Nguyên đơn, người có liên quan hiện đều có nơi sinh sống ổn định, căn cứ vào điều kiện, nhu cầu sử dụng đất Tòa cấp sơ thẩm chia thừa kế bằng giá trị quy tiền là phù hợp với thực tế, với quy định của pháp luật.

Về yêu cầu chia thừa kế ngôi nhà, theo đơn khởi kiện bổ sung ngày 07/5/2018 người khởi kiện yêu cầu xác định phần ngôi nhà của cụ S trước đây có giá trị 60 triệu đồng để chia thừa kế theo pháp luật, mỗi người được chia 10 triệu đồng. Tuy nhiên có cơ sở xác định ngôi nhà cụ S ở trước đây đã hư cũ không còn sử dụng được đã tháo dỡ, ngôi nhà hiện tại là do anh Khóc E cùng vợ con xây dựng, không phải là di sản của cụ Sáu nên không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là hợp lý.

Đối với việc ông A yêu cầu ông Khóc E trả tiền công bồi thố trên đất, ông Khóc E chấp nhận trả 15 triệu đồng, được Tòa cấp sơ thẩm ghi nhận. Riêng 04 triệu đồng tiền lãi của số tiền trên, ông A yêu cầu nhưng không có cơ sở, không hợp lý nên không được chấp nhận.

Các phần khác nguyên đơn người có liên quan không kháng cáo nên cấp phúc thẩm không đặt vấn đề xem xét.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang cho rằng, trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ghi cấp cho Nguyễn Thị S là cấp cho cá nhân cụ S nên phải chia thừa kế toàn bộ tài sản là di sản của cụ. Đối với ngôi nhà, theo lời trình bày của đại diện nguyên đơn phần nhà xây của cụ S có giá trị 60 triệu đồng, ngôi nhà như hiện tại do anh Khóc E hoàn chỉnh. Theo Viện kiểm sát Tòa cấp sơ thẩm không định giá phần nhà của cụ S xây là không giải quyết đúng đắn vụ án. Thấy rằng Viện kiểm sát đề nghị hủy án sơ thẩm với lý do như trên là chưa hợp lý bởi lẽ, về đất theo cơ quan có thẩm quyền đã xác định đất tranh chấp cấp cho hộ gia đình, có căn cứ theo luật đất đai quy định. Đối với ngôi nhà đương sự chỉ yêu cầu chia 60 triệu đồng phần giá trị xây dựng của cụ S. Theo hồ sơ hiện tại ngôi nhà đã được anh Khóc E xây dựng hoàn chỉnh, không thể xác định được khi bà S còn sống xây dựng số tiền 60 triệu đồng là hạng mục nào, để định giá theo hiện tại. Mặc khác, có cơ sở cho thấy phần nhà của bà S trước đây đã hư cũ, được anh Khóc E tháo dỡ xây dựng lại như hiện nay. Yêu cầu của nguyên đơn không có gì để chứng minh. Do vậy, đề nghi của Viện kiểm sát cũng không được chấp nhận.

Với nhận định như trên, theo tự nguyện của bị đơn cùng các thành viên trong hộ gia đình, theo thực tế sử dụng đất và theo quy định của pháp luật, xét kháng cáo của ông A là không có cơ sở, không được chấp nhận giữ nguyên án sơ thẩm.

Người kháng cáo phải chiu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào:

- Điều 212, Điều 584, Điều 589, Điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều 652, Điều 660 Bộ Luật dân sự năm 2015;

- Điểm đ khoản 1 Điều 179 Luật đất đai;

- Điều 147, khoản 1 Điều 217, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Lê Văn A, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị N và bà Võ Thị R.

Giữ nguyên án sơ thẩm số 36/2019/DS-ST ngày 10 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện T.

Xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn A về việc yêu cầu ông Lê Văn Khóc E trả lại tài sản là một bộ ván và tiền hoa lợi tại thửa 1821.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn A và một phần yêu cầu độc lập của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan về việc chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị S theo pháp luật.

- Ông Lê Văn A được hưởng thừa kế quyền sử dụng đất tương đương giá trị bằng tiền là: 94.696.000đ.*(chín mươi bốn trệu, sáu trăm chín sáu ngàn đồng)*

- Bà Lê Thị N được hưởng thừa kế quyền sử dụng đất tương đương giá trị bằng tiền là: 94.696.000đ. *(chín mươi bốn trệu, sáu trăm chín sáu ngàn đồng)*

- Bà Lê Thị T được hưởng thừa kế quyền sử dụng đất tương đương giá trị bằng tiền là: 94.696.000đ. Bà T đã tặng cho ông Khóc E kỷ phần này.

- Ông Lê Văn Khóc E được hưởng thừa kế quyền sử dụng đất tương đương giá trị bằng tiền là: 94.696.000đ. *(chín mươi bốn trệu, sáu trăm chín sáu ngàn đồng)*

- Bà Võ Thị R, anh Lê Văn S, anh Lê Tuấn A1, anh Lê Tuấn D, Lê Thị Đ, Lê Ngọc Th, Lê Tuấn L được hưởng thừa kế quyền sử dụng đất tương đương giá trị bằng tiền là: 94.696.000đ.*(chín mươi bốn trệu, sáu trăm chín sáu ngàn đồng)*

Bà R là người đại diện nhận.

- Anh Võ Chí T được hưởng thừa kế thế vị quyền sử dụng đất tương đương giá trị bằng tiền là: 94.696.000đ.*(chín mươi bốn trệu, sáu trăm chín sáu ngàn đồng)*

* Ông Lê Văn Khóc E và các thành viên trong hộ gồm Võ Thị M, Lê Văn T, Lê Thị Diễm Tr, Lê Trung T cùng có trách nhiệm trả tiền lại cho Lê Văn A, Lê Thị N, Võ Thị R, Võ Chí T mỗi người là 94.696.000đ. *(chín mươi bốn trệu, sáu trăm chín sáu ngàn đồng)*

3. Chấp nhận yêu cầu phản tố của Lê Văn Khóc E và yêu cầu độc lập các thành viên trong hộ gồm Võ Thị M, Lê Văn T về yêu cầu chia quyền sử dụng đất chung hộ.

- Xác định ½ diện tích đất tại các thửa 2059, 1821, 2057, 2058, 2015 là của hộ gia đình ông Lê Văn Khóc E. Cộng ½ diện tích đất là di sản thừa kế mà hộ gia đinh ông Lê Văn Khóc E đã trả bằng tiền cho các thừa kế. Như vậy, ông Lê Văn Khóc E và các thành viên trong hộ gồm Võ Thị M, Lê Văn T, Lê Thị Diễm Tr, Lê Trung T được quyền sử dụng toàn bộ 5 thửa đất gồm:

- Thửa đất số 2059 loại đất lúa đã lên nền thành đất cây lâu năm, diện tích thực tế 986,8m^2. Vị trí thửa đất: Đông giáp đất Trương Văn Th; Tây giáp đất Nguyễn Thanh A1; Nam giáp Kênh công cộng; Bắc giáp đất Võ Thị R

- Thửa đất số 1821 loại đất lúa, diện tích thực tế 6.615 m^2. Vị trí thửa đất Đông giáp đất Lê Tấn D, Phạm Thị B; Tây giáp đất Nguyễn Thanh A1; Nam giáp đường 877B; Bắc giáp thửa đất 2015, 2057, 2058 (xóa bờ hợp thửa)

- Các thửa đất số 2057, 2058, 2015 đã xóa bờ hợp thửa có tổng diện tích thực tế 6.865 m^2. Trong đó (Đất ở nông thôn diện tích 300 m^2; Đất trồng cây lâu năm (đất vườn) diện tích 1744m^2; Đất lúa diện tích 4.821m^2). Vị trí các thửa đất: Đông giáp đất Trương Văn Th; Tây giáp đất Nguyễn Thanh A1; Nam giáp thửa 2059; Bắc giáp Kênh công cộng.

Ông Lê Văn Khóc E và các thành viên trong hộ gia đình có trách nhiệm liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để đăng ký quền sử dụng đất theo quy định.

4. Chấp nhận yêu cầu của ông Lê Văn A về tiền bồi thố đất.

Ông Lê Văn Khóc E và các thành viên trong hộ có trách nhiệm trả cho Lê Văn A 15.000.000đ tiền bồi thố tại thửa 2059 và 4.000.000đ tại thửa 1821, tổng cộng là 19.000.000đ.*(mười chín triệu đồng)*

Không chấp nhận yêu ông Lê Văn A về yêu cầu ông Lê Văn Khóc E trả 4.000.000đ tiền lãi.

5. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn A về việc yêu cầu ông Lê Văn Khóc E trả lại tài sản là 08 cây trụ bê tông, tương đương giá trị bằng tiền là 800.000đ. Ông Lê Văn Khóc E và các thành viên trong hộ có trách nhiệm trả.

6. Không chấp nhận yêu cầu của Lê Văn A và Lê Thị N về yêu cầu chia thừa kế ngôi nhà.

7. Chấp nhận yêu cầu của ông Lê Văn A về việc yêu cầu những người được chia quyền sử dụng đất có trách nhiệm hoàn trả lại chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

- Bà Võ Thị R, anh Lê Văn S, anh Lê Tuấn A1, anh Lê Tuấn D, Lê Thị Đ, Lê Ngọc Th, Lê Tuấn L cùng có trách nhiệm trả cho Lê Văn A số tiền 1.030.000đ. *(một triệu không trăm ba mươi nghìn đồng)*

- Bà Lê Thị N có trách nhiệm trả cho Lê Văn A số tiền 30.000đ. *(ba mươi nghìn đồng)*

- Anh Võ Chí T có trách nhiệm trả cho Lê Văn A số tiền 1.030.000đ. *(một triệu không trăm ba mươi nghìn đồng)*

- Ông Lê Văn Khóc E, Võ Thị M, Lê Văn T, Lê Thị Diễm Tr, Lê Trung T cùng có trách nhiệm trả cho Lê Văn A số tiền 8.240.000đ.*(tám triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng)*.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 và khoản 2, Điều 468 Bộ luật dân sự.

8. Về án phí:

* Ông Lê Văn A phải nộp 5.034.000đ án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.198.000đ theo biên lai thu số 48631 ngày 09/10/2017 và biên lai thu số 48819 ngày 08/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T. Ông A phải nộp thêm 1.836.000đ *(một triệu tám trăm ba mươi sáu nghìn đồng)* án phí sơ thẩm.

- Bà Võ Thị R, anh Lê Văn S, anh Lê Tuấn A1, Lê Tuấn D, Lê Thị Đ, Lê Ngọc Th, Lê Tuấn L phải nộp 4.734.000đ án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.575.000đ theo biên lai thu số 48665

ngày 16/11/2017 và biên lai thu số 48820 ngày 08/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T nên phải nộp thêm 3.159.000đ *(ba triệu một trăm năm mươi chín nghìn đồng)* án phí sơ thẩm.

- Bà Lê Thị N phải nộp 4.734.000đ án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.749.750đ theo biên lai thu số 48666 ngày 16/11/2017 và biên lai thu số 48821 ngày 08/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T. Bà N phải nộp thêm 1.984.550đ *(một triệu chín trăm tám mươi bốn nghìn năm trăm năm mươi đồng)* án phí sơ thẩm.

- Bà Lê Thị T không phải nộp án phí. Hoàn lại bà T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.162.000đ *(hai triệu một trăm sáu mươi hai nghìn đồng)* theo biên lai thu số 48768 ngày 21/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T.

- Anh Võ Chí T phải nộp 4.734.000đ án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.425.000đ theo biên lai thu số 48811 ngày 23/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T. Anh T phải nộp thêm 3.309.000đ *(ba triệu ba trăm lẻ chín nghìn đồng)* án phí sơ thẩm.

- Hộ gia đình ông Lê Văn Khóc E, bà Võ Thị M, anh Lê Văn T, chị Lê Thị Diễm Tr, cháu Lê Trung T phải chịu tổng cộng 38.868.000đ án phí, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.770.000đ theo biên lai thu số 48795 ngày 11/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T. Nên phải nộp thêm 33.098.000đ *(ba mươi ba triệu không trăm chín mươi tám nghìn đồng)* án phí sơ thẩm.

* Ông Lê Văn A, bà Lê Thị N và bà Võ Thị R còn phải chịu mỗi người 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm. Ông A có đại diện Nguyễn Lệ Th, bà N, bà R đã tạm nộp mỗi người 300.000đ theo các biên lai thu số 49166, 49167 ngày 10/7/2019 và 49190 ngày 22/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T tỉnh Tiền Giang. Cấn trừ, ông A, bà N và bà R đã nộp xong án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật ngay sau khi tuyên án.

Án tuyên vào lúc 07 giờ 30 phút ngày 07/11/2019.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện T;
- CC THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Trung Hiếu